



Room 215, Herzberstraße 33-34, 10365 Berlin  
Tel.: 015256560165  
Email: xkasse.de@gmail.com  
Website: www.xkasse.de  
Ihn.: Trinh Hong Viet

## INFORMATIONEN ÜBER KASSENSYSTEM

Zur Einreichung von Informationen bei den Steuerbehörden

möchten Informationen über Ihr elektronisches Kassensystem für die Berichterstattung der Steuerabteilung wie folgt bereitstellen

|   |   |  |
|---|---|--|
| 1 | <b>Vorname und Name / Firma<br/>(Steuerpflichtiger)</b><br>Họ và tên chủ cửa hàng/Công ty                           | Cocoon Amberg Fine Asian Cuisine   |
| 2 | <b>Adresse</b><br>Địa chỉ cửa hàng  | Obere Nabburger Straße 16, 92224 Amberg  |
| 3 | <b>Steuernummer</b><br>Mã số thuế   | 201/255/00677  |
| 4 | <b>Typ der Kassensystem</b><br>Loại hệ thống máy tính tiền sử dụng  | elektr. Kassen-/ Aufzeichnungssystem   |
| 5 | <b>Wann wurde das elektr. Kassen- / Aufzeichnungssystem angeschafft?</b><br>Hệ thống được bàn giao vào lúc nào?     | 2021-04-01   |
| 6 | <b>Welche Art von elektr. Kassen- / Aufzeichnungssystem verwenden Sie?</b><br>Loại máy tính tiền điện tử?           | elektr. Kassen-/ Aufzeichnungssystem ist ein Android Kassensystem basierend auf einer MySQL-Datenbank und gehört zum Kassentyp 3 |
| 7 | <b>Wie vielen elektr. Kassen- / Aufzeichnungssysteme verwenden Sie?</b><br>Số lượng máy tính tiền điện tử sử dụng?  | ein  |
| 8 | <b>Welche Seriennummer hat Ihr elektr. Kassen- / Aufzeichnungssystem?</b><br>Mã số Sê-ri của máy tính tiền của bạn? | T21820AX40508  |

|           |   |  |
|-----------|---|--|
| <b>9</b>  | <b>Art der zertifizierten techn. Sicherheitseinrichtung?</b><br>Loại TSE được sử dụng?  | SWISSBIT   |
| <b>10</b> | <b>TSE-Zertifizierungsart von BSI</b><br>Loại chứng nhận của TSE từ BSI   | BSI TR-03153 - Technische Sicherheitseinrichtung für elektronische Aufzeichnungssysteme, Version 1.0.1 vom 20. Dezember 2018   |
| <b>11</b> | <b>TSE-Zertifizierungs-ID, ausgestellt von BSI?</b><br>Mã số chứng nhận TSE được cấp bởi BSI?   | BSI-K-TR-0362-2019   |
| <b>12</b> | <b>Wie vielen TSE verwenden Sie?</b><br>Số lượng TSE được sử dụng?  | 1 (Ein)  |
| <b>13</b> | <b>TSE-Seriennummer wird verwendet</b><br>Mã số Serie của TSE được sử dụng  | 3153189C7B100DA476BDEADA3CEF3455<br>870E529CDD317F40C85789FA9905CC07   |
| <b>14</b> | <b>Das TSE-Kaufdatum wird verwendet</b><br>Ngày mua của TSE được sử dụng  | 2021-04-01   |
| <b>15</b> | <b>Verwendetes TSE-Stilllegungsdatum</b><br>Ngày ngừng hoạt động của TSE được sử dụng   |  |
| <b>16</b> | <b>An wenn können Sie sich wenden, falls Zweifel/Unklarheiten geben wird?</b><br>Nếu cần cung cấp thêm thông tin thì liên hệ địa chỉ nào? | Herr Trinh Hong Viet<br>Room 215, Herzberstraße 33-34, 10365 Berlin<br>Tel.: +49 (0) 15256560165<br>Email: xkasse.de@gmail.com |



Trinh Hong Viet

München,

Ort / Datum

Unterschrift & Firmenstempel